

Số: /BC-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

BÁO CÁO
Kết quả lấy ý kiến cử tri về việc sắp xếp đơn vị hành chính
cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Sơn La

Kính gửi:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Kết luận 48/KL-TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; Nghị định số 66/2023/NĐ-CP ngày 24/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;

UBND tỉnh Sơn La báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri về việc sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã của tỉnh Sơn La giai đoạn 2023-2025, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI

1. Công tác tuyên truyền, vận động cử tri trên địa bàn có liên quan đến việc xây dựng Đề án

Thực hiện Kết luận số 48-KL/TW, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15, Nghị quyết số 117/NQ-CP, trong thời gian qua, các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành của tỉnh Sơn La từ tỉnh đến cơ sở đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt các văn bản của Trung ương, của tỉnh về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025.

UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND các huyện có liên quan tham mưu, đề xuất

với Ban Thường vụ huyện ủy tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo nhằm tổ chức thực hiện nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã theo Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Sơn La¹; tăng cường công tác phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân trong triển khai thực hiện.

UBND các huyện đã ban hành Kế hoạch, chỉ đạo phòng chuyên môn và UBND cấp xã tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về việc lấy ý kiến cử tri với nhiều hình thức phong phú nhằm cung cấp thông tin đầy đủ, đúng đắn cho cử tri trong việc sắp xếp ĐVHC; đề cử tri hiểu rõ ý nghĩa, nội dung của việc lấy ý kiến; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cử tri; đảng viên, khuyến khích cử tri tham gia tích cực khi cơ quan có thẩm quyền tổ chức lấy ý kiến cử tri.

Công tác thông tin, tuyên truyền được tiến hành công khai, dân chủ, đúng pháp luật và đảm bảo trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Thông qua các hoạt động tuyên truyền đã góp phần tạo được sự thống nhất về nhận thức và hành động trong cán bộ, công chức, viên chức và quần chúng Nhân dân về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 tỉnh Sơn La.

2. Quá trình chuẩn bị, tổ chức thực hiện việc lấy ý kiến cử tri trên địa bàn

Căn cứ Nghị định số 54/2018/NĐ-CP, Nghị định số 66/2023/NĐ-CP của Chính phủ, Đề án sắp xếp ĐVHC của các huyện, UBND tỉnh Sơn La đã chỉ đạo² UBND cấp huyện: Sông Mã, Thuận Châu, Phù Yên, Yên Châu, Quỳnh Nhai, Mộc Châu tổ chức lấy ý kiến cử tri đối với Đề án sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2023-2025.

Đề cử tri ở các đơn vị hành chính đồng thuận và tán thành Đề án sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2023-2025, UBND các huyện đã thành lập các Tổ công tác đề lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện việc lấy ý kiến cử tri trên địa bàn các xã, thị trấn có liên quan; xây dựng kế hoạch lấy ý kiến cử tri trên địa bàn, trong đó xác định rõ nội dung lấy ý kiến, hình thức lấy ý kiến, cách thức, thời hạn triển khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị, UBND các xã có liên quan; tổ chức Hội nghị tập huấn cho các đối tượng có liên quan về công tác tổ chức lấy ý kiến cử tri trên địa bàn.

Trong các ngày 21/4/2024³, 07/5/2024⁴ và 12/5/2024⁵, cử tri ở các ĐVHC cấp xã chịu ảnh hưởng trực tiếp của việc sắp xếp ĐVHC đã tiến hành bỏ phiếu

¹ Số liệu diện tích và quy mô dân số của các huyện: Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Sông Mã, Phù Yên, Yên Châu, Mộc Châu được cập nhật đến ngày 31/12/2023 theo Công văn số 2594/BNV-CQĐP ngày 13/5/2024 của Bộ Nội vụ.

² Công văn số 1303/UBND-NC ngày 29/3/2024 về việc cho ý kiến và chỉ đạo tổ chức lấy ý kiến cử tri đối với Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025 của các huyện Sông Mã, Thuận Châu, Phù Yên; Công văn số 1767/UBND-NC ngày 25/4/2024 về việc cho ý kiến và chỉ đạo tổ chức lấy ý kiến cử tri đối với Đề án sắp xếp, thành lập ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025 của các huyện Yên Châu, Quỳnh Nhai; Công văn số 1914/UBND-NC ngày 06/5/2024 về việc cho ý kiến và chỉ đạo tổ chức lấy ý kiến cử tri đối với Đề án thành lập thị xã Mộc Châu và sắp xếp các ĐVHC cấp xã của huyện Mộc Châu để thành lập các xã, phường thuộc thị xã Mộc Châu.

³ 11 đơn vị hành chính cấp xã của các huyện: Thuận Châu, Phù Yên, Sông Mã tổ chức lấy ý kiến cử tri vào Đề án;

⁴ 05 đơn vị hành chính cấp xã của các huyện: Quỳnh Nhai, Yên Châu tổ chức lấy ý kiến cử tri vào Đề án;

⁵ 15/15 đơn vị hành chính cấp xã của huyện Mộc Châu tổ chức lấy ý kiến cử tri vào Đề án;

về việc sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2023-2025. Việc tổ chức lấy ý kiến của cử tri được tiến hành công khai, dân chủ, minh bạch theo quy định của pháp luật.

II. KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN CỬ TRI

1. Sắp xếp các ĐVHC cấp xã của huyện Thuận Châu để mở rộng thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu

a) Nhập, điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 13,09 km² và quy mô dân số 5.834 người của xã Chiềng Ly; một phần diện tích tự nhiên 4,19 km² và quy mô dân số 1.974 người của xã Phông Lăng vào thị trấn Thuận Châu;

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-------------|---------------------|--------------------------|-------------------------------|-------------|--------------------|--------------|------------------------|-------------|
| | | Tổng cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
| 1 | Thị trấn Thuận Châu | 3.061 | 3.061 | 100 | 3.058 | 99,90 | 3 | 0,10 |
| 2 | Xã Chiềng Ly | 5.872 | 5.872 | 100 | 5.742 | 97,79 | 130 | 2,21 |
| 3 | Xã Phông Lăng | 4.018 | 4.018 | 100 | 3.905 | 97,19 | 113 | 2,81 |
| TỔNG | | 12.951 | 12.951 | 100 | 12.705 | 98,10 | 246 | 1,90 |

Các ý kiến khác: Có một số cử tri bản Thái Cống không đồng ý điều chỉnh một phần của bản Thái Cống vào thị trấn Thuận Châu khi sáp nhập sẽ ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng đất đai, nguồn nước, nương phai, nghĩa địa.

b) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 18,47 km² và quy mô dân số 3.313 người còn lại của xã Chiềng Ly; diện tích tự nhiên 11,94 km² và quy mô dân số 4.015 người còn lại của xã Phông Lăng và một phần diện tích tự nhiên 25,38 km² và quy mô dân số 1.939 người của xã Chiềng Bôm để thành lập xã Phông Ly

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-------------|---------------|--------------------------|-------------------------------|-------------|--------------------|--------------|------------------------|-------------|
| | | Tổng cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
| 1 | Xã Chiềng Ly | 5.872 | 5.872 | 100 | 5.742 | 97,79 | 130 | 2,21 |
| 2 | Xã Phông Lăng | 4.018 | 4.018 | 100 | 3.905 | 97,19 | 113 | 2,81 |
| 3 | Xã Chiềng Bôm | 4.405 | 4.405 | 100 | 4.402 | 99,93 | 3 | 0,07 |
| TỔNG | | 14.295 | 14.295 | 100 | 14.049 | 98,28 | 246 | 1,72 |

Các ý kiến khác: Không có.

2. Sắp xếp các ĐVHC cấp xã của huyện Phù Yên để mở rộng thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên

a) Thành lập thị trấn Quang Huy trên cơ sở toàn bộ diện tích 1,05 km² và quy mô dân số 11.252 người của thị trấn Phù Yên và một phần diện tích tự nhiên 4,11 km² và quy mô dân số 3.571 người của xã Huy Bắc; một phần diện tích tự nhiên 9,05 km² và quy mô dân số 8.235 người của xã Quang Huy và một phần diện tích tự nhiên 0,63 km² và quy mô dân số 99 người của xã Huy Hạ vào thị trấn Phù Yên.

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-------------|--------------|--------------------------|-------------------------------|--------------|--------------------|--------------|------------------------|-------------|
| | | Tổng cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
| 1 | TT Phù Yên | 6.606 | 6.600 | 99,91 | 6.424 | 97,24 | 176 | 2,66 |
| 2 | Xã Huy Bắc | 4.414 | 4.414 | 100 | 4.392 | 99,50 | 22 | 0,50 |
| 3 | Xã Quang Huy | 5.865 | 5.865 | 100 | 5.805 | 98,98 | 60 | 1,02 |
| 4 | Xã Huy Hạ | 4.327 | 4.327 | 100 | 4.286 | 99,05 | 41 | 0,95 |
| TỔNG | | 21.212 | 21.206 | 99,97 | 20.907 | 98,56 | 299 | 1,41 |

Các ý kiến khác như: Một số cử tri đề nghị giữ nguyên tên Thị trấn Phù Yên hoặc đặt tên là thị trấn Phù Hoa và đề nghị sau khi sáp nhập cần đảm bảo quyền lợi cho nhân dân về điều chỉnh giấy tờ liên quan...

b) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 21,73 km² và quy mô dân số 2.840 người còn lại của xã Huy Bắc vào xã Huy Hạ; Giải thể xã Huy Bắc

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-------------|------------|--------------------------|-------------------------------|-------------|--------------------|--------------|------------------------|-------------|
| | | Tổng cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
| 1 | Xã Huy Bắc | 4.414 | 4.414 | 100 | 4.392 | 99,50 | 22 | 0,50 |
| 2 | Xã Huy Hạ | 4.327 | 4.327 | 100 | 4.286 | 99,05 | 41 | 0,95 |
| TỔNG | | 8.741 | 8.741 | 100 | 8.678 | 99,28 | 63 | 0,72 |

Các ý kiến khác: Không có.

c) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 36,56 km² và quy mô dân số 1.521 người còn lại của xã Quang Huy vào xã Suối Tọ; Giải thể xã Quang Huy

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-------------|--------------|--------------------------|-------------------------------|-------------|--------------------|--------------|------------------------|-------------|
| | | Tổng cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
| 1 | Xã Quang Huy | 5.865 | 5.865 | 100 | 5.805 | 98,98 | 60 | 1,02 |
| 2 | Xã Suối Tọ | 2.479 | 2.479 | 100 | 2.479 | 100 | 0 | 0,00 |
| TỔNG | | 8.344 | 8.344 | 100 | 8.284 | 99,28 | 60 | 0,72 |

Các ý kiến khác: Không có.

3. Điều chỉnh địa giới hành chính xã Nà Nghị để mở rộng thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã

Điều chỉnh địa giới của xã Nà Nghị gồm 9 bản thuộc xã Nà Nghị: (1) Quyết Tiến, (2) Quyết Thắng, (3) Lê Hồng Phong, (4) Nang Cầu, (5) Hưng Mai, (6) Trại Giồng, (7) Tân Hợp, (8) Nà Nghị, (9) Nà Nghị II và một phần của bản Phòng Sài với diện tích 10,73 km² và 5.193 người của xã Nà Nghị vào thị trấn Sông Mã.

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-------------|------------------|--------------------------|-------------------------------|--------------|--------------------|--------------|------------------------|-------------|
| | | Tổng cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
| 1 | Thị trấn Sông Mã | 4.758 | 4.756 | 99,96 | 4.740 | 99,62 | 16 | 0,34 |
| 2 | Xã Nà Nghị | 11.352 | 11.350 | 99,98 | 11.210 | 98,75 | 130 | 1,15 |
| TỔNG | | 16.110 | 16.106 | 99,98 | 15.950 | 99,01 | 146 | 0,91 |

Các ý kiến khác: Không có.

4. Thành lập thị trấn Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-----|----------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------|--------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | | Tổng số cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
| 1 | Xã Mường Giàng | 7.653 | 7.653 | 100 | 7.400 | 97,69 | 253 | 3,31 |

Các ý kiến khác: Không có.

5. Sắp xếp các ĐVHC cấp xã của huyện Yên Châu để mở rộng thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu

a) Nhập, điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 8,14 km² và quy mô dân số 2.633 người của xã Viêng Lán; Nhập, điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 6,44 km² và quy mô dân số 2.268 người của xã Sấp Vạt vào thị trấn Yên Châu.

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-------------|-------------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------|--------------------|--------------|------------------------|-------------|
| | | Tổng số cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
| 1 | Thị trấn Yên Châu | 2.615 | 2.615 | 100 | 2.614 | 99,96 | 1 | 0,04 |
| 2 | Xã Viêng Lán | 1.577 | 1.577 | 100 | 1.360 | 86,24 | 217 | 13,76 |
| 3 | Xã Sấp Vạt | 2.795 | 2.795 | 100 | 2.637 | 94,35 | 158 | 5,65 |
| TỔNG | | 6.987 | 6.987 | 100 | 6.611 | 94,62 | 376 | 5,38 |

Các ý kiến khác: Không có.

b) Nhập, điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 3,82 km² (không có dân số) của xã Viêng Lán vào xã Sấp Vạt

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-----|------|-----------------------------|-------------------------------|-----------|--------------------|-----------|------------------------|-----------|
| | | Tổng số cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |

| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
|-------------|--------------|--------------|--------------|-------------|--------------|--------------|------------|-------------|
| 1 | Xã Viêng Lán | 1.577 | 1.577 | 100 | 1.360 | 86,24 | 217 | 13,76 |
| 2 | Xã Sập Vạt | 2.795 | 2.795 | 100 | 2.637 | 94,35 | 158 | 5,65 |
| TỔNG | | 4.372 | 4.372 | 100 | 3.997 | 91,42 | 375 | 8,58 |

Các ý kiến khác: Không có.

c) Nhập, điều chỉnh diện tích tự nhiên 13,97 km² còn lại (*không có dân số*) của xã Viêng Lán vào xã Chiềng Păn

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-------------|---------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------|--------------------|--------------|------------------------|-------------|
| | | Tổng số cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
| 1 | Xã Viêng Lán | 1.577 | 1.577 | 100 | 1.360 | 86,24 | 217 | 13,76 |
| 2 | Xã Chiềng Păn | 2.785 | 2.785 | 100 | 2.780 | 99,82 | 5 | 0,18 |
| TỔNG | | 4.362 | 4.362 | 100 | 4.140 | 94,91 | 222 | 5,09 |

Các ý kiến khác: Không có.

6. Thành lập thị xã Mộc Châu và sắp xếp các ĐVHC cấp xã của huyện Mộc Châu để thành lập các phường, xã thuộc thị xã Mộc Châu

a) Thành lập thị xã Mộc Châu trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 1.072,09 km² và quy mô dân số 148.259 người của huyện Mộc Châu

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-----|-------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------|--------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | | Tổng số cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
| 1 | Thị trấn Mộc Châu | 8.814 | 8.814 | 100 | 8.814 | 100 | 0 | 0 |
| 2 | Thị trấn Nông trường Mộc Châu | 21.546 | 21.546 | 100 | 21.536 | 99,95 | 10 | 0,05 |
| 3 | Xã Phiêng Luông | 2.757 | 2.757 | 100 | 2.757 | 100 | 0 | 0 |
| 4 | Xã Mường Sang | 4.471 | 4.471 | 100 | 4.471 | 100 | 0 | 0 |
| 5 | Xã Đông | 3.714 | 3.714 | 100 | 3.714 | 100 | 0 | 0 |

| | | | | | | | | |
|-------------|----------------|---------------|---------------|------------|---------------|--------------|-----------|-------------|
| | Sang | | | | | | | |
| 6 | Xã Hua Păng | 3.537 | 3.537 | 100 | 3.537 | 100 | 0 | 0 |
| 7 | Xã Quy Hường | 2.815 | 2.815 | 100 | 2.813 | 99,93 | 2 | 0,07 |
| 8 | Xã Nà Mường | 3.212 | 3.212 | 100 | 3.212 | 100 | 0 | 0 |
| 9 | Xã Tà Lại | 2.544 | 2.544 | 100 | 2.544 | 100 | 0 | 0 |
| 10 | Xã Tân Lập | 7.228 | 7.228 | 100 | 7.228 | 100 | 0 | 0 |
| 11 | Xã Tân Hợp | 4.358 | 4.358 | 100 | 4.358 | 100 | 0 | 0 |
| 12 | Xã Chiềng Hắc | 5.166 | 5.166 | 100 | 5.166 | 100 | 0 | 0 |
| 13 | Xã Chiềng Sơn | 5.852 | 5.852 | 100 | 5.852 | 100 | 0 | 0 |
| 14 | Xã Chiềng Khừa | 2.142 | 2.142 | 100 | 2.142 | 100 | 0 | 0 |
| 15 | Xã Lóng Sập | 2.889 | 2.889 | 100 | 2.889 | 100 | 0 | 0 |
| TỔNG | | 81.045 | 81.045 | 100 | 81.033 | 99,99 | 12 | 0,01 |

Các ý kiến khác cụ thể như sau: (1) Đề nghị cơ quan nhà nước tiếp tục cải thiện giải quyết thủ tục hành chính cho người dân được nhanh chóng, thuận tiện, quan tâm vấn đề nâng cao chất lượng môi trường trên địa bàn. (2) Xây dựng đầy đủ hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ khu dân cư, khu hành chính, nhà văn hóa, khu vui chơi cho các tổ dân phố khi thành lập thị xã. (3) Đưa khu chăn nuôi ra xa khu vực dân cư để hạn chế ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân, môi trường, du lịch.

b) Chia tách diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Mộc Châu để thành lập 02 phường mới là phường Mộc Ly và phường Mộc Sơn (Thành lập phường Mộc Ly trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên 7,03 km² và quy mô dân số 8.546 người của thị trấn Mộc Châu; Thành lập phường Mộc Sơn trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên 7,22 km² và quy mô dân số 10.337 người của thị trấn Mộc Châu)

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-----|-------------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------|--------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | | Tổng số cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
| 1 | Thị trấn Mộc Châu | 8.814 | 8.814 | 100 | 8.814 | 100 | 0 | 0 |

Các ý kiến khác: xem xét đặt tên phường Mộc Sơn bằng tên phường "Ngày giải phóng Mộc Châu" hoặc đặt tên 02 phường mới là phường Mộc Ánh và phường Mộc Sáng.

c) Thành lập các phường: Bình Minh, Thảo Nguyên, Cờ Đỏ trên cơ sở một phần diện tích và dân số của thị trấn Nông Trường Mộc Châu (Thành lập

phường Bình Minh trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên 16,85 km² và quy mô dân số 8.667 người của thị trấn Nông Trường Mộc Châu; Thành lập phường Thảo Nguyên trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên 17,02 km² và quy mô dân số 14.803 người của thị trấn Nông Trường Mộc Châu; Thành lập phường Cờ Đỏ trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên 36,07 km² và quy mô dân số 10.030 người của thị trấn Nông Trường Mộc Châu)

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-----|-------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------|--------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | | Tổng số cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
| 1 | Thị trấn Nông Trường Mộc Châu | 21.546 | 21.546 | 100 | 21.502 | 99,80 | 44 | 0,20 |

Các ý kiến khác như: (1) Đổi tên phường Cờ Đỏ thành phường Chờ Lồng; (2) Giữ nguyên diện tích đất rừng không chia tách về xã Chiềng Hắc và các xã khác.

d) Thành lập phường Vân Sơn trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên 6,19 km², quy mô dân số 5.556 người của thị trấn Nông Trường Mộc Châu và một phần diện tích tự nhiên 16,57 km², quy mô dân số 4.798 người của xã Phiêng Luông

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-------------|-------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------|--------------------|--------------|------------------------|-------------|
| | | Tổng số cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
| 1 | Thị trấn Nông Trường Mộc Châu | 21.546 | 21.546 | 100 | 21.502 | 99,80 | 44 | 0,20 |
| 2 | Xã Phiêng Luông | 2.757 | 2.757 | 100 | 2.747 | 99,64 | 10 | 0,36 |
| TỔNG | | 24.303 | 24.303 | 100 | 24.249 | 99,78 | 54 | 0,22 |

Các ý kiến khác cụ thể như sau: (1) Đặt tên là phường Phiêng Luông; (2) Đề nghị tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi làm thủ tục hành chính về đất đai.

e) Thành lập phường Đông Sang trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên 30,66 km² và 9.288 người của xã Đông Sang

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-----|--------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------|--------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | | Tổng số cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
| 1 | Xã Đông Sang | 3.714 | 3.714 | 100 | 3.714 | 100 | 0 | 0 |

Các ý kiến khác: Không có.

f) Thành lập phường Mường Sang trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên 20,66 km² và quy mô dân số 11.495 người của xã Mường Sang.

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-----|---------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------|--------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | | Tổng số cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
| 1 | Xã Mường Sang | 4.471 | 4.471 | 100 | 4.449 | 99,51 | 22 | 0,49 |

Các ý kiến khác: Không có.

g) Thành lập xã Chiềng Chung trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 61,67 km², quy mô dân số 5.209 người của xã Hua Păng; một phần diện tích tự nhiên 13,58 km² của xã Phiêng Luông và một phần diện tích tự nhiên 22,40 km² của thị trấn Nông Trường Mộc Châu

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-----|-------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------|--------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | | Tổng số cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
| 1 | Xã Hua Păng | 3.537 | 3.537 | 100 | 3.537 | 100 | 0 | 0 |
| 2 | Xã Phiêng | 2.757 | 2.757 | 100 | 2.747 | 99,64 | 10 | 0,36 |

| | Luông | | | | | | | |
|-------------|-------------------------------|---------------|---------------|------------|---------------|--------------|-----------|-------------|
| 3 | Thị trấn Nông Trường Mộc Châu | 21.546 | 21.546 | 100 | 21.502 | 99,80 | 44 | 0,20 |
| TỔNG | | 27.840 | 27.840 | 100 | 27.786 | 99,81 | 54 | 0,19 |

Các ý kiến khác cụ thể: (1) Đề nghị giữ lại phần diện tích bản Xòem Lồm (hiện đang điều chỉnh địa giới về xã Hua Păng; (2) Không điều chỉnh một phần đất rừng tự nhiên của Phiêng Luông vào xã Hua Păng.

h) Thành lập xã Tân Yên trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 93,79 km², quy mô dân số 11.947 người của xã Tân Lập và toàn bộ diện tích tự nhiên 99 km², quy mô dân số 6.463 người của xã Tân Hợp

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-------------|------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------|--------------------|--------------|------------------------|-------------|
| | | Tổng số cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
| 1 | Xã Tân Lập | 7.228 | 7.228 | 100 | 7.228 | 100 | 0 | 0 |
| 2 | Xã Tân Hợp | 4.358 | 4.358 | 100 | 4.355 | 99,93 | 3 | 0,07 |
| TỔNG | | 11.586 | 11.586 | 100 | 11.583 | 99,97 | 3 | 0,03 |

Các ý kiến khác: Không có.

i) Thành lập xã Đoàn Kết trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 73,22 km², quy mô dân số 4.275 người của xã Quy Hương; toàn bộ diện tích tự nhiên 42,30 km², quy mô dân số 4.748 người của xã Nà Mường và toàn bộ diện tích tự nhiên 27,49 km², quy mô dân số 3.879 người của xã Tà Lại

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-----|--------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------|--------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | | Tổng số cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
| 1 | Xã Quy Hương | 2.815 | 2.815 | 100 | 2.813 | 99,93 | 2 | 0,07 |
| 2 | Xã Nà Mường | 3.212 | 3.212 | 100 | 3.209 | 99,91 | 3 | 0,09 |

| | | | | | | | | |
|-------------|-----------|--------------|--------------|------------|--------------|--------------|----------|-------------|
| 3 | Xã Tà Lại | 2.544 | 2.544 | 100 | 2.544 | 100 | 0 | 0 |
| TỔNG | | 8.571 | 8.571 | 100 | 8.566 | 99,94 | 5 | 0,06 |

Các ý kiến khác cụ thể như sau: (1) Có cơ chế chính sách để hỗ trợ nhân dân ổn định đời sống tốt hơn. (2) Quan tâm xây dựng trường THPT trên địa bàn cụm xã Đoàn Kết, xã Chiềng Chung; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế và dịch vụ khám chữa bệnh cho nhân dân; quan tâm đầu tư xây dựng cầu cứng bến phà Vạn Yên để đảm bảo giao thông và giao thương hàng hóa cho nhân dân.

k) Nhập, điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 9,87 km² của thị trấn Nông Trường Mộc Châu và một phần diện tích tự nhiên 27,25 km² của xã Mường Sang vào xã Chiềng Hắc

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-------------|-------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------|--------------------|--------------|------------------------|-------------|
| | | Tổng số cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
| 1 | Xã Chiềng Hắc | 5.166 | 5.166 | 100 | 5.166 | 100 | 0 | 0 |
| 2 | Xã Mường Sang | 4.471 | 4.471 | 100 | 4.449 | 99,51 | 22 | 0,49 |
| 3 | TT Nông Trường Mộc Châu | 21.546 | 21.546 | 100 | 21.502 | 99,80 | 44 | 0,20 |
| TỔNG | | 31.183 | 31.183 | 100 | 31.117 | 99,79 | 66 | 0,21 |

Các ý kiến khác: Không có.

1. Nhập, điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 17,91 km² của xã Mường Sang vào xã Chiềng Khừa

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-----|----------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------|--------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | | Tổng số cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
| 1 | Xã Chiềng Khừa | 2.142 | 2.142 | 100 | 2.142 | 100 | 0 | 0 |

| | | | | | | | | |
|-------------|---------------|--------------|--------------|------------|--------------|--------------|-----------|-------------|
| 2 | Xã Mường Sang | 4.471 | 4.471 | 100 | 4.449 | 99,51 | 22 | 0,49 |
| TỔNG | | 6.613 | 6.613 | 100 | 6.591 | 99,67 | 22 | 0,33 |

Các ý kiến khác: Không có.

m) Nhập, điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 12,06 km² của xã Đông Sang và một phần diện tích tự nhiên 25,19 km², quy mô dân số 501 người của xã Mường Sang vào xã Chiềng Sơn

| STT | ĐVHC | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến | | | |
|-------------|---------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------|--------------------|--------------|------------------------|-------------|
| | | Tổng số cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=4/3*100 | (6) | (7)=6/3*100 | (8) | (9)=8/3*100 |
| 1 | Xã Chiềng Sơn | 5.852 | 5.852 | 100 | 5.852 | 100 | 0 | 0 |
| 2 | Xã Mường Sang | 4.471 | 4.471 | 100 | 4.449 | 99,51 | 22 | 0,49 |
| 3 | Xã Đông Sang | 3.714 | 3.714 | 100 | 3.714 | 100 | 0 | 0 |
| TỔNG | | 14.037 | 14.037 | 100 | 14.015 | 99,84 | 22 | 0,16 |

Các ý kiến khác: Không có.

Trên đây là báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La. UBND tỉnh Sơn La trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- UBND các huyện: Thuận Châu, Yên Châu, Phù Yên, Sông Mã, Quỳnh Nhai, Mộc Châu;
- Trung tâm thông tin tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NC, Hằng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Quốc Khánh